TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HOÀ** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 67/2020/QĐST-HNGĐ	*Đông Hoà, ngày 27 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 297/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị T – Sinh năm: 1984;

Bị đơn: Anh H – Sinh năm: 1979;

Cùng cư trú: Thôn A, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C; Địa chỉ: Tòa nhà B khu bán đảo L, M, Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông P – Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 297/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự đã ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị T và anh H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Có 02 con chung tên: Q – sinh ngày 29/9/2001; D – sinh ngày 12/3/2007. Trong đó, con chung tên Q đã trưởng thành nên không yêu cầu gì.

Thống nhất giao con chung tên D cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: + Chị T phải trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc: 6.000.000đ *(Sáu triệu đồng);*

+ Anh H phải trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc: 6.000.000đ *(Sáu triệu đồng).*

Kể từ ngày 20/5/2020 *(Chị T, anh H đã trả lãi đến ngày 19/5/2020)* cho đến khi thi hành xong, chị T, anh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền còn phải thi hành, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà anh H, chị T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: + Chị T phải chịu: 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí về yêu cầu xin ly hôn, 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí về nợ chung. Tổng cộng: 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*. Số tiền này được khấu trừ vào 300.000 *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014216 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hòa. Như vậy, chị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm;

+ Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nợ: 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng).*

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Đông Hoà;
- Chi cục THADS huyện Đông Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã H (*giấy chứng nhận kết hôn số: 43/2002, ngày 24/7/2002)*;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thanh Huệ